

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở  
và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ - CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số: 23/2014/TT - BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;

Xét tờ Trình số 37/TTr-UBND ngày 20/9/2017 về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của UBND phường Phú Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 18 hộ gia đình, cá nhân.

*(Có Danh sách các hộ gia đình, cá nhân kèm theo).*

Địa chỉ thửa đất: Khu phố 6, phường Phú Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Nguồn gốc sử dụng: Được Nhà nước giao đất sản xuất Nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất theo Nghị định 64 ngày 27/9/1993 của Chính phủ Ban hành Bản quy định về việc giao đất Nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND phường Phú Sơn thực hiện các nội dung sau:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thu hồi giấy tờ cũ, chỉnh lý biến động trên hồ sơ địa chính, vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- UBND phường Phú Sơn có trách nhiệm vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chỉnh lý biến động trên hồ sơ địa chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã Bỉm Sơn, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND phường Phú Sơn và hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ml*

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 QĐ;

- Lưu: VT.



Tổng Thanh Bình



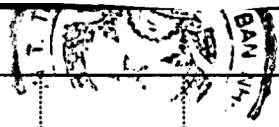
**DANH SÁCH CẤP GCN QSD ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP  
PHƯỜNG PHÚ SƠN, THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

Xem theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của UBND thị xã Bim Son)

lib 05/17  
10

TT	Họ tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Bản đồ địa chính chính lý năm 2015			Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích	ghi chú
			Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích (m2)			
1	Trịnh Văn Trường Phạm Thị Tân	Khu phố 6	31	3	316.6	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	
			66	7	1586.7			
			116	7	1954.2			
2	Hoàng Văn Tâm Phạm Thị Hoài	Khu phố 6	96	4	2141.4	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	
			181	6	778.6			
3	Trịnh Văn Công Lê Thị Chính	Khu phố 6	117	4	1045.5	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	
			28	6	104.4			
			74	7	568.0			
4	Nguyễn Văn Láp	Khu phố 6	41	7	2193.0	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	
			35	6	279.0			
5	Nguyễn Xuân Phương Lê Thị Mai	Khu phố 6	40	3	2238.2	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	
			41	3	1117.4			
6	Lê Nguyễn Tú Nguyễn Thị Hồng	Khu phố 6	143	4	1132.4	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	
			150	6	749.6			
7	Nguyễn Văn Hòa Hoàng Thị Hà	Khu phố 6	49	3	1174.9	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	





TT	Họ tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Bản đồ địa chính chính lý năm 2015		Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích	ghi chú
			Số thửa	Tờ BĐ			
8	Hoàng Văn Phát Mai Thị Duyên	Khu phố 6	106	7	1872.7	Đất trồng lúa nước	
			75	6	240.5		
9	Nhữ Văn Tôn Hoàng Thị Dung	Khu phố 6	112	3	186.4	Đất trồng lúa nước	
			128	4	2026.7		
10	Nguyễn Hữu Xuân Tông Thị Nhân	Khu phố 6	98	6	179.5	Đất trồng lúa nước	
			44	10	1810.3		
11	Nguyễn Văn Hưng Đặng Thị Hải	Khu phố 6	32	4	896.8	Đất trồng lúa nước	
			63	3	196.5		
12	Đinh Văn An Nguyễn Thị Bích	Khu phố 6	149	7	986.2	Đất trồng lúa nước	
			5	6	242.5		
13	Mai Thế Chung Nguyễn Thị Thương	Khu phố 6	18	9	2059.5	Đất trồng lúa nước	
			20	7	873.9		
14	Nguyễn Văn Doanh Ngô Thị Hoàn	Khu phố 6	142	4	1451.8	Đất trồng lúa nước	
			2	6	170.0		
15	Hoàng Thị Phê Nguyễn Bá Sơn	Khu phố 6	50	7	497.5	Đất trồng lúa nước	
			34	7	2688.4		
15	Hoàng Thị Phê Nguyễn Bá Sơn	Khu phố 6	43	7	1287.2	Đất trồng lúa nước	
			37	10	2131.8		
			116	3	194.9		

TT	Họ tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Bản đồ địa chính chính lý năm 2015			Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích	ghi chú
			Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích (m2)			
16	Mai Xuân Liệu	Khu phố 6	52	4	1684.7	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	
17	Mai Thị Nhâm	Khu phố 6	4 81	9 6	1311.5 104.9	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	
18	Nguyễn Bá Tư Mai Thị Tý	Khu phố 6	75 122	10 3	2481.7 243.6	Được nhà nước giao đất từ năm 1993	Đất trồng lúa nước	

Bim Sơn, ngày 12. tháng 9. năm 2017

Giám đốc Văn phòng ĐK QSD đất



Vũ Văn Phụng

Bim Sơn, ngày 29. tháng 9. năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG TN & MT



Mai Quang Bình

